TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ DẦU** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2018/HNGĐ-ST
Ngày 08 - 02- 2018
V/v tranh chấp về ly hôn, con chung.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Thanh Tùng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Dương Tiển

2. Ông Đỗ Văn Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Lê Anh Thư – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh *tham gia phiên tòa:* Bà Phạm Thị Kim Dân - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 02 năm 2018 tại Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 713/2017/TLST- HNGĐ ngày 22 tháng 11 năm 2017 về tranh chấp "Ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2018/QĐXXST - HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị Phương D, sinh năm 1993; địa chỉ: ấp B, xã P, huyện G, tỉnh Tây Ninh (có mặt)

2. Bị đơn: Anh Lâm Tuấn V, sinh năm 1989; địa chỉ: ấp B, xã P, huyện G, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai tại Tòa án nguyên đơn chị D trình bày: chị và anh V tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2008, không có tổ chức lễ cưới nhưng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P ngày 26-02- 2013; sau khi cưới anh V về sống chung gia đình chị đến năm 2014 phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân anh V không lo lắng cho vợ con, có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác; đến năm 2016 bỏ nhà đi cho đến nay; nay chị yêu cầu ly hôn, con chung cháu H, sinh ngày 06-8-2010 hiện đang sống chung với chị; chị yêu cầu được tiếp tục nuôi, cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu giải quyết; tài sản chung,

nợ chung không yêu cầu giải quyết.

Trong quá trình hòa giải bị đơn anh V trình bày: thừa nhận lời trình bày của chị D về ngày tháng năm chung sống, con chung là đúng sự thật; nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do vợ, chồng có quan hệ tình cảm với người khác. Nay chị D yêu cầu ly hôn anh không đồng ý với lý do con còn nhỏ, anh muốn vợ chồng đoàn tụ để tiếp tục nuôi dạy con; nếu Tòa án cho ly hôn, con chung anh yêu cầu được nuôi, cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu giải quyết; tài sản chung, nợ chung không yêu cầu giải quyết.

- Ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu:

+ Về tố tụng: Từ khi thụ lý cho đến khi nghị án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn thực hiện đúng theo trình tự thủ tục do Bộ luật tố tụng dân sự quy định; riêng anh V đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không rõ lý do, đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung vụ án: chị D và anh V tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2008 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P; vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2014 phát sinh mâu thuẫn kéo dài đến năm 2016 ly thân cho đến nay, nguyên nhân do chị D và anh V có quan hệ tính cảm với người khác; từ khi ly thân đến nay vợ chồng không ai quan tâm đến ai; xét thấy mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được; tại phiên tòa chị D yêu cầu ly hôn là có căn cứ; đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 cho chị D và anh V ly hôn.

Về con chung: cháu H, sinh ngày 06-8-2010, đang sống với chị D từ khi anh, chị ly thân đến nay; cháu được chị D quan tâm nuôi dưỡng, chăm sóc, cho đi học và phát triển bình thường về mọi mặt; chị D có việc làm và thu nhập ổn định; trong quá trình lấy lời khai cháu H có nguyện vọng được tiếp tục sống chung với chị D; đề nghị Hội đồng xét xử giao cho chị D tiếp tục nuôi là có căn cứ theo Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung không yêu cầu đề nghị không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: anh V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không rõ lý do, nên chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tiến hành xét xử vắng mặt anh V theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: chị D và anh V tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 2008, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện G ngày 26-02-2013 nên được pháp luật thừa nhận là hôn nhân hợp pháp; vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn kéo dài đến năm 2016 ly

thân cho đến nay; nguyên nhân do chị D và anh VB có quan hệ tình cảm với người khác; từ khi ly thân cho đến nay mạnh ai nấy sống không ai quan tâm đến ai. Như vậy có căn cứ cho rằng mâu thuẫn giữa vợ, chồng lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được; tại phiên tòa chị D giữ nguyên yêu cầu ly hôn; đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử cho chị D và anh V ly hôn là có căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: cháu H, sinh ngày 06-8-2010, trong quá trình giải quyết vụ án chị D và anh V đều có yêu cầu được nuôi con. Xét thấy từ khi chị D và anh V ly thân cho đến nay, cháu H sống chung với chị D, được chị D và gia đình thương yêu, quan tâm nuôi dưỡng, chăm sóc, cho đi học và phát triển bình thường về mọi mặt; chị D có việc làm và thu nhập ổn định đủ khả năng, điều kiện nuôi con; trong quá trình lấy lời khai cháu H có nguyện vọng được tiếp tục sống chung với chị D; để giữ ổn định nên chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, giao cháu H cho chị D tiếp tục nuôi là có căn cứ theo Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; anh V có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con, chị D không có yêu cầu nên không giải quyết.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: chị D và anh V không có yêu cầu nên không giải quyết.

[6] Về án phí: chị D phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo qui định tại Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường Quốc Hội; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, 81, 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường Quốc Hội.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Phương D; chị Trần Thị Phương D được ly hôn với anh Lâm Tuấn V.

2. Về con chung: cháu H, sinh ngày 06-8-2010 giao cho chị D tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng; cấp dưỡng nuôi con chị A không yêu cầu giải quyết; anh V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: chị D và anh V không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí: chị D chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí do chị A đã nộp 300.000 theo biên lai thu số 0012805 ngày 22 tháng 11 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Gò Dầu (Chị D đã nộp xong tiền án phí).

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh; riêng anh V vắng mặt tại phiên tòa thì có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Gò Dầu;
- CC.THADS huyện Gò Dầu;
- Các đương sự;
- UBND xã nơi ĐK kết hôn;
- Lưu: TAGD, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Thanh Tùng